

**KỲ THI CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
(CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO)**

Khoá ngày: 27/12/ 2020
DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Stt	Sbd	Họ, chữ lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới Tính	Dân Tộc	Ghi chú (giờ thi –Phòng máy)	
Ca thi 1-Phòng máy 1: 7 giờ 00 - Cơ Bản									
1	1CB01	Phan Tấn	Cường	26/04/2001	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
2	1CB02	Lê Hồng	Diệu	04/09/2000	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
3	1CB03	Phạm Thị Thùy	Dương	31/01/2002	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
4	1CB04	Đặng Thị Ngọc	Giàu	11/02/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
5	1CB05	Bùi Thị Hồng	Hạnh	20/10/1995	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
6	1CB06	Trần Gia	Hân	13/02/2003	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
7	1CB07	Nguyễn Trung	Hậu	15/09/1985	Quảng Bình	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
8	1CB08	Trần Ngọc Lan	Hương	13/05/2002	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
9	1CB09	Nguyễn Thị	Hường	12/10/1992	Nghệ An	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
10	1CB10	Nguyễn Thị Diễm	My	05/09/1993	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
11	1CB11	Lê Ngọc Tuyết	Nga	04/07/1993	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
12	1CB12	Thái Thị Kim	Ngân	18/11/2002	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
13	1CB13	Phạm Thanh	Nhà	04/06/1998	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
14	1CB14	Nguyễn Minh	Nhật	27/06/1997	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
15	1CB15	Đặng Hoàng	Phúc	24/12/1994	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
16	1CB16	Cao Hồng	Phúc	26/07/1996	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
17	1CB17	Lê Thị Thu	Sang	14/01/1992	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
18	1CB18	Võ Thành	Tây	02/05/1992	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
19	1CB19	Lý Minh	Tuấn	12/10/1975	Long An	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
20	1CB20	Lê Phạm Thủy	Tuyên	25/05/1995	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
Ca thi 2-Phòng máy 1: 9 giờ 30 – Cơ Bản									
21	2CB01	Lê Thị	Linh	12/08/1999	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
22	2CB02	Tôn	Lot	08/01/2001	Tây Ninh	Nữ	Khmer	9:30	P.Máy 1
23	2CB03	Lê Thị Hồng	Nhan	23/01/1985	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
24	2CB04	Thanh Thị Huỳnh	Như	29/01/2002	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
25	2CB05	Đặng Anh	Quốc	06/12/2005	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
26	2CB06	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	25/11/1998	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
27	2CB07	Đoàn Kim	Sum	11/11/2002	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
28	2CB08	Nguyễn Thị Ngọc	Tiền	30/06/2004	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
29	2CB09	Lê Thị Mộng	Tuyền	23/11/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
30	2CB10	Trần Thị Thu	Thảo	12/12/2002	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
31	2CB11	Phạm Ngọc Anh	Thư	19/10/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
32	2CB12	Nguyễn Anh	Thư	18/06/2002	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
33	2CB13	Phạm Thị Ngọc	Trâm	27/09/2002	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
34	2CB14	Nguyễn Thị Bảo	Trân	18/06/2002	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
35	2CB15	Nguyễn Minh	Trí	27/02/1996	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
36	2CB16	Lê Nữ Hoàng Băng	Trình	24/03/1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
37	2CB17	Nguyễn Thành	Trung	16/02/1994	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1

Stt	Sbd	Họ, chữ lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới Tính	Dân Tộc	Ghi chú (giờ thi –Phòng máy)	
38	2CB18	Châu Thị Tường	Vy	05/10/2002	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
39	2CB19	Nguyễn Hoàng	Giang	07/02/1984	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
Ca thi 2-Phòng máy 1: 9 giờ 30 – Nâng Cao									
40	2NC01	Nguyễn Thị Nhựt	Linh	25/06/1996	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
41	2NC02	Phan Thị Cẩm	Ngọc	25/03/1996	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1

Danh sách có 41 thí sinh đủ điều kiện dự thi
Trong đó có 39 thí cơ bản và 02 thí nâng cao

TP Tây Ninh, ngày 21 tháng 12 năm 2020

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Đã ký)

Trần Lệ Uyên